

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:27/2020/HNGĐ-ST

Ngày:26-8-2020

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN

-Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị N

2. Ông Hà Minh T

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:121/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:26/2020/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số:20/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1960 (có mặt)

Cư trú: IX/11 đường Trần Trung T, khu phố 4, phường 3, Th phố Tân A, tỉnh Long An.

2. ***Bị đơn:*** ông Phan Văn H, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Cư trú: ấp 1, xã Tân Th, huyện Tân T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai của bà Trần Thị Ngọc T trình bày: Bà và ông Phan Văn H chung sống với nhau từ năm 1980 không có đăng ký kết hôn, trong thời gian này gia đình khó khăn và bà không hiểu tình ông H, nhưng sống có H phúc. Đến tháng 5/1991 không biết ông H nghĩ gì mà nói với bà và các con ở

nhà ông đi làm ăn và đến năm 1994 ông H có trở về thăm vợ con rồi ông bỏ đi cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn H.

Về con chung: Trong thời gian bà và ông H chung sống gồm có 03 người con: Phan Thị Quế A, sinh 1981, Phan Thị Huỳnh A, ngày 1984 và Phan Thị Kiều A, sinh ngày 1986. Hiện nay chị Quế A, Huỳnh A và Kiều A đã trưởng Th, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phan Văn H: Ngày 18/6/2020 Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án số: 121/2020/TB-LTVA và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại nơi cư trú cuối cùng của ông Phan Văn H, nhưng ông H vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1.Đối với ông Phan Văn H, ngày 24/7/2020 Tòa án tiến hành lập niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:26/2020/QĐXX-ST ngày 22/7/2020. Ngoài ra ngày 10/8/2020 Tòa án niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số:20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2020; đồng thời thông báo thời gian xét xử vào ngày 26/8/2020 nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227BLTTDS năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

1.2.Bà Trần Thị Ngọc T và ông Phan Văn H chung sống với nhau từ năm 1980 nhưng không đăng ký kết hôn, hai bên chung sống được thời gian dài và có con chung nên xem là hôn nhân thực tế, nay bà T xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 BLTTDS năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân:

Bà Trần Thị Ngọc T và ông Phan Văn H có tìm hiểu với nhau được khoảng 01 năm, đến tháng 11/1980 được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới. Sau khi đám cưới bà T về chung sống với ông H tại ấp 1, xã Tân Th, huyện Tân T, tỉnh Long An. Trong thời gian tuy gia đình nghèo khó nhưng bà T với ông H sống H

phúc, đến năm 1993 thì hai bên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H khi làm ăn thì không hiệu quả cũng như trong thời gian sống với mẹ chồng có khó khăn. Ngoài trong cuộc sống giữa bà T và ông H không đồng quan điểm sống với nhau, nên ông H đã bỏ ra đi, vì vậy bà và ông H sống ly thân từ tháng 01 năm 1994 đến nay. Mặc dù bà T tìm kiếm nhiều lần nhưng không liên lạc được ông H, nên bà T làm đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và đã nhắn tin trên báo Công Lý 03 kỳ liên tục gồm các số 23 ngày 20/3/2020, số 24 ngày 24/3/2020 và số báo 25 ngày 27/3/2020 nhưng không liên lạc và tin tức ông H. Ngoài ra ngày 06/7/2020 Tòa án tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ý kiến đương sự trong vụ án, nhưng ông H không có văn bản hay ý kiến gì về việc xin ly hôn của bà T. Xét thấy tình cảm giữa bà T với ông H không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng điểm a, khoản 3, nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “ Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, trong trường hợp có đơn yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”. Tại phiên tòa bà T yêu cầu xin ly hôn với ông H, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 85, 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

2.2 Về con chung: Tại phiên tòa bà T trình bày trong thời gian chung sống giữa bà với ông H có 03 người con gồm: Phan Thị Quế A, sinh năm 1981, Phan Thị Huỳnh A, sinh năm 1984 và Phan Thị Kiều A, sinh năm 1986. Nay chị Quế A, Huỳnh A và chị Kiều A đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung: Tại phiên tòa bà T trình bày trong thời gian chung sống giữa bà và ông H không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Tại phiên tòa bà T trình bày không có, nên không đề cập.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà T thuộc người cao tuổi nên bà T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà T được hoàn trả lại tiền tạm ứng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Điều 85, 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về tình cảm: Bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn với ông Phan Văn H.

2.Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nên được hoàn trả 300.000đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0000972 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H